

Số: 65/2022/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 26 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 48, Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 và Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 553/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Markov K, sinh năm 1986

Passport số: 75.1829258 do Liên Bang Nga cấp ngày 08/7/2015

Địa chỉ: Liên Bang Nga, I, V, 12A, 12.

Nơi cư trú: Căn hộ KD8.07 chung cư T, Phường 6, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ông Markov K hiểu, biết và sử dụng được tiếng việt, nên không yêu cầu, lựa chọn người phiên dịch).

- Bà Nguyễn Thị My N, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ 4, khu vực 9, phường T, thành phố Q, tỉnh B.

Nơi cư trú: Số 271/8 đường L, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18 tháng 01 năm 2022, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề trong việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn cụ thể:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Markov K và bà Nguyễn Thị My N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 37 do Ủy ban nhân dân thành phố Q,

tỉnh B cấp ngày 31/10/2016).

[2] Về con chung: Ông Markov K và bà Nguyễn Thị My N xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Markov K và bà Nguyễn Thị My N xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông Markov K và bà Nguyễn Thị My N chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Markov K và bà Nguyễn Thị My N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 37 do Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh B cấp ngày 31/10/2016).

- Về con chung: Ông Markov K và bà Nguyễn Thị My N xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Markov K và bà Nguyễn Thị My N xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.** Về lệ phí Tòa án: Ông Markov K và bà Nguyễn Thị My N chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0013863 ngày 30/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Markov K và bà Nguyễn Thị My N đã nộp đủ lệ phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Đương sự;
- UBND thành phố Q, tỉnh B  
(GCNKH số 37 đăng ký ngày 31/10/2016);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự. (TK Thúy Loan)

#### **THẨM PHÁN**

**Phạm Văn Thạnh**